

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22618901] - Kỹ thuật pha chế đồ uống (CCQ2326A)
CBGD: Nguyễn Thị Hồng Xuân (260098)

Số SV có mặt: 28...
Số bài thi: 28.....
Số tờ giấy thi: 28...

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123260022	Trần Quốc	An	27/11/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	6.0	7.8	7.1
2	2123260032	Nguyễn Hương	Giang	10/05/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	7.4	8.0	7.8
3	2123260001	Phạm Thị Thanh	Hằng	07/07/1998	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	7.2	7.3	7.3
4	2123260194	Huỳnh Phúc	Hậu	13/10/2004	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	7.4	7.8	7.6
5	2123260025	Nguyễn Minh	Hiếu	29/10/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	6.5	6.0	6.2
6	2123260034	Đình Tiên	Hoàng	04/10/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	5.1	6.0	5.6
7	2123260007	Bùi Văn	Huy	17/10/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	7.7	8.5	8.2
8	2123260024	Lê Thị	Huỳnh	11/03/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	8.8	8.3	8.5
9	2123260023	Nguyễn Đăng	Khoa	20/11/2004	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	8.5	8.5	8.5
10	2123260013	Phạm Văn Tuấn	Kiệt	07/04/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	6.9	4.0	5.2
11	2123260004	Phan Thị Thanh	Kiều	12/05/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	6.8	6.8	6.8
12	2123260006	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	15/11/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	4.4	7.5	6.3
13	2123260009	Huỳnh Thị Tuyết	Nguyên	04/09/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	6.3	6.2	6.2
14	2123260192	Phan Thị Nhựt	Nguyệt	19/04/2005	CCQ2326A					
15	2121260001	Huỳnh Duy	Phong	03/11/2003	CCQ2126A	1	<i>(Signature)</i>	8.5	7.5	7.9
16	2123260019	Nguyễn Thị Quỳnh	Phương	24/06/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	6.8	5.6	6.1
17	2123260196	Lê Thị Cẩm	Sương	27/11/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	5.1	7.5	6.5
18	2123260030	Nguyễn Hữu	Thặng	13/05/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	7.0	5.0	5.8
19	2123260005	Nguyễn Thị Kiều	Thương	25/08/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	8.3	8.8	8.6
20	2123260033	Nguyễn Thanh	Thùy	01/11/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	6.6	8.0	7.4
21	2123260026	Mạch Mạnh	Tiến	21/03/2005	CCQ2326A					
22	2123260021	Bùi Ngọc Yên	Trâm	30/08/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	6.8	5.6	6.1
23	2123260036	Huỳnh Thuỵ Thuý	Trang	27/08/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	5.6	6.0	5.8
24	2123260016	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/11/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	8.2	8.0	8.1
25	2123260028	Trần Tố	Trình	11/09/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	7.8	7.8	7.8
26	2123260029	Trương Ánh	Tuyết	06/05/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	8.1	8.5	8.3
27	2123260018	Vạn Thị Thanh	Uyên	17/03/2003	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	7.5	7.1	7.3
28	2123260011	Nguyễn Hoàng Tường	Vy	22/04/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	6.0	7.8	7.1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22618901] - Kỹ thuật pha chế đồ uống (CCQ2326A)

CBGD: Nguyễn Thị Hồng Xuân (260098)

Số SV có mặt: 28...

Số bài thi: 28...

Số tờ giấy thi: 28...

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123260031	Dương Thị Kim	Yến	27/06/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	6.6	5.2	5.8
30	2123260020	Trương Ngọc Bảo	Yến	20/06/2005	CCQ2326A	1	<i>(Signature)</i>	6.7	7.8	7.4

100%
28/28

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22618902] - Kỹ thuật pha chế đồ uống (CCQ2326B)

CBGD: Nguyễn Thị Hồng Xuân (260098)

Số SV có mặt: 28..

Số bài thi: ...28...

Số tờ giấy thi: 28...

(Handwritten signatures of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123260067	Trương Gia	Bảo	03/04/2005	CCQ2326B	1	<i>Bao</i>	8.3	8.3	8.3
2	2123260060	Lê Nguyễn Thùy	Dương	19/01/2005	CCQ2326B	1	<i>Thuy</i>	8.0	8.3	8.2
3	2123260152	Lê Thị Ánh	Dương	15/11/2005	CCQ2326B	1	<i>Quoc</i>	8.2	7.5	7.8
4	2123260045	Nguyễn Thị Thùy	Dương	14/08/2005	CCQ2326B	1	<i>Thuy</i>	7.7	8.0	7.9
5	2123260061	Võ Thị Thúy	Duyên	08/03/2005	CCQ2326B	1	<i>Duyen</i>	8.1	6.8	7.3
6	2123260069	Trần Bảo	Hân	19/10/2005	CCQ2326B	1	<i>Han</i>	8.3	8.0	8.1
7	2123260055	Nguyễn Phùng Thiên	Hoàng	08/10/2005	CCQ2326B	1	<i>Thien</i>	6.9	5.6	6.1
8	2123260068	Trần Nguyễn Kim	Hoàng	17/02/2005	CCQ2326B	1	<i>Hoang</i>	8.6	8.5	8.5
9	2123260047	Hứa Thị Thuý	Hường	13/02/2005	CCQ2326B	1	<i>Huong</i>	8.3	6.5	7.2
10	2123260066	Tôn Thất	Nguyên	24/01/2004	CCQ2326B	1	<i>Tat</i>	9.1	6.0	7.2
11	2123260042	Tô Thị Ánh	Nguyệt	06/10/2005	CCQ2326B	1	<i>Nguyet</i>	7.0	6.4	6.6
12	2123260053	Lê Văn	Nhân	31/10/2005	CCQ2326B	1	<i>Nhan</i>	6.2	8.0	7.3
13	2123260062	Nguyễn Thiện	Nhân	28/01/2005	CCQ2326B	1	<i>Nhan</i>	5.4	7.5	6.7
14	2123260071	Trương Kim	Nhấn	29/07/2005	CCQ2326B	1	<i>Kimhan</i>	8.5	7.3	7.8
15	2123260191	Phạm Xuân	Nhi	02/05/2005	CCQ2326B					
16	2123260058	Lê Dương Ngọc	Nhung	26/04/2005	CCQ2326B	1	<i>Nhung</i>	6.7	7.5	7.2
17	2123260087	Phan Thị Như	Quỳnh	06/10/2005	CCQ2326B	1	<i>Quynh</i>	8.5	7.2	7.7
18	2123260043	Nguyễn Ngọc	Sa	10/02/2005	CCQ2326B	1	Sa	8.2	7.8	8.0
19	2123260049	Trần Thị Thu	Tâm	24/04/2005	CCQ2326B	1	<i>Tam</i>	6.0	7.8	7.1
20	2123260052	Lê Trần Anh	Thư	27/06/2005	CCQ2326B	1	<i>Thul</i>	9.0	9.0	9.0
21	2123260046	Trần Huyền	Thư	26/05/2005	CCQ2326B					
22	2123260050	Nguyễn Thị	Thương	26/07/2005	CCQ2326B	1	<i>Thuy</i>	8.5	8.5	8.5
23	2123260056	Ngô Thị Nhã	Thùy	10/10/2005	CCQ2326B	1	<i>Thuy</i>	8.6	8.5	8.5
24	2123260048	Nguyễn Thị Bích	Trâm	05/05/2005	CCQ2326B	1	<i>Tram</i>	8.1	7.8	7.9
25	2123260059	Lâm Ngọc	Trang	09/01/2005	CCQ2326B	1	<i>Trang</i>	6.3	6.6	6.5
26	2123260051	Lê Thị Bích	Truyền	01/01/2005	CCQ2326B					
27	2123260039	Huỳnh Thị Ánh	Tuyết	10/02/2005	CCQ2326B	1	<i>Tuyet</i>	8.8	8.8	8.8
28	2123260044	Đinh Thị Mỹ	Uyên	18/08/2005	CCQ2326B	1	<i>Uyen</i>	8.6	8.5	8.5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22618902] - Kỹ thuật pha chế đồ uống (CCQ2326B)
CBGD: Nguyễn Thị Hồng Xuân (260098)

Số SV có mặt: 28...
Số bài thi: ...28.....
Số tờ giấy thi: 28..

(Handwritten signatures and stamps of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123260145	Trương Thị Cẩm	Uyên	15/11/2005	CCQ2326B	1	<i>(Signature)</i>	7.1	6.2	6.6
30	2123260153	Trần Thị Cẩm	Vân	19/06/2005	CCQ2326B	1	<i>(Signature)</i>	6.5	6.4	6.4
31	2123260063	Nguyễn	Văn	18/12/2004	CCQ2326B	1	<i>(Signature)</i>	8.3	8.3	8.3

28/28
100%